TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59 /**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thế Lợi**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Hữu Trọng**
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Huyền -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: **Bà Triệu Thị Hồng -** Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST – HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Anh Lê Quốc T**, sinh năm 1980.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn VM, xã HVT, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

2.Bị đơn: **Chị Trịnh Thị H**, sinh năm 1979.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn VM, xã HVT, huyện CM, Tp. Hà Nội.

Có mặt: Anh T, chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lê Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/4/2006 tại Uỷ ban nhân dân xã HVT, huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau,

thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ. Ba lần anh để tiền trong két và tủ nhưng bị mất gần 20.000.000 đồng. Anh hỏi chị H có lấy không, chị H khẳng định không lấy. Một lần anh để ví trong xe ô tô chị H lấy tiền bị anh bắt quả tang. Từ năm 2017 do không còn tin tưởng nhau nên vợ chồng anh bắt đầu làm kinh tế riêng, tiền của ai người đó chi tiêu.Vợ chồng mặc dù sống chung một nhà nhưng ăn riêng và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trịnh Thị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị H có 01 con chung là cháu Lê Thị HA, sinh ngày 19/7/2007. Khi ly hôn anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu HA. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác nhận chị và anh Lê Quốc T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/4/2006 tại Uỷ ban nhân dân xã HVT, huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không còn yêu chị nữa và có người khác ở bên ngoài. Việc anh T có quan hệ ở bên ngoài là do hàng xóm nói chị mới biết chứ chị không có chứng cứ gì. Từ đầu năm 2018 anh T ăn riêng, mặc dù vẫn ở cùng một nhà. Anh T cho rằng chị lấy tiền là không đúng, chỉ có một lần hết tiền tiêu nên chị có lấy 200.000 đồng ở ví của anh T để trên ô tô. Hiện tại vợ chồng chị kinh tế riêng biệt, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T xin ly hôn chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung là Lê Thị HA, sinh ngày 19/7/2007. Nếu ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu HA và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Anh T giữ yêu cầu xin ly hôn chị Trịnh Thị H. Về con chung: anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị HA, sinh ngày 19/7/2007, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: nếu phải ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu HA và yêu

cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Quốc T và xử cho anh T được ly hôn chị H; Về con chung: giao cháu Lê Thị HA, sinh ngày 19/7/2007 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 2.000.000 đồng/01 tháng; Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trịnh Thị H đang cư trú tại xã HVT, huyện CM, Tp. Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quốc T kết hôn với chị Trịnh Thị H trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 05/4/2006 tại Uỷ ban nhân dân xã HVT, huyện CM, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) nên hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của anh T, chị H và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa anh T và chị H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về kinh tế, mặt khác chị H nghi ngờ anh T có quan hệ ngoại tình nhưng không có chứng cứ gì. Từ đầu năm 2018 đến nay anh chị đã ăn riêng, kinh tế riêng nhưng vẫn ở cùng một nhà. Trước yêu cầu của anh T xin ly hôn, chị H xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được. Yêu cầu của anh T xin ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị H xác nhận có 01 con chung là Lê Thị HA, sinh ngày 19/7/2007.

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Cháu HA đã trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu HA. Anh T đồng ý để chị H nuôi dưỡng cháu HA. Do vậy, cần giao cháu HA cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu HA số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị H là 2.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2019 đến khi cháu HA đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Anh Lê Quốc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về hôn nhân: Anh Lê Quốc T được ly hôn chị Trịnh Thị H.

2.Về con chung: Giao con chung Lê Thị HA, sinh ngày 19/7/2007 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu HA đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Lê Quốc T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Trịnh Thị H số tiền là **2.000.000 đồng/**tháng (*hai triệu đồng một tháng*) kể từ tháng 8 năm 2019 đến khi cháu HA đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

4.Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5.Về án phí: Anh Lê Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003949 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội. Anh Lê Quốc T còn phải nộp 300.000 đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Lê Quốc T và chị Trịnh Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã HVT, huyện CM, Tp. Hà Nội (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Lợi